TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Minh Tư.

2. Bà Khuất Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vy Hoàng Nghĩa, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh T; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Ngõ x, thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; tuy nhiên chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Ngay sau khi đăng ký kết hôn, anh T và chị T phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Anh T đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án

nhiều lần nhưng do chị T vắng mặt nên chưa giải quyết được, nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định cho bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T; tuy nhiên chị T không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh T. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T yêu cầu giải quyết ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Hà Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[2] Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ và chứng minh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Phía nguyên đơn anh Nguyễn Đức T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà

Giang; việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 04/12/2024, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Quỳnh T cho biết đã thông báo cho chị T biết về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh T và chị T; chị T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà C xác nhận quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T; chị T về ở với bà C và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang từ tháng 5/2024; hiện nay chị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Bà C cho biết anh T và chị T đã ly thân được khoảng 04 đến 05 năm, quá trình ly thân không thấy vợ chồng liên lạc với nhau.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2025, ông Nông Quang M là công chức Tư pháp - hộ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Quỳnh T có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T. Ủy ban nhân dân xã T có biết về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T, còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì Ủy ban nhân dân xã không nắm được vì anh T, chị T không đề nghị hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã. Anh T, chị T không có con chung và đã sống ly thân nhiều năm nay.

[6] Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2025, ông Nguyễn Tiến H là trưởng thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Nguyễn Thị Quỳnh T có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì thôn không nắm được. Chị T không có hộ khẩu và cũng không sinh sống tại thôn V. Anh T và chị T không có con chung.

[7] Xét thấy anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018; ngay sau khi đăng ký kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị T không có mặt, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh T.

[8] Về con chung và tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kết quả xác minh thể hiện anh T và chị T không có con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T không tham gia tố tụng, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 8, 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức T ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh T.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Đức T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000517 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Xác nhận anh Nguyễn Đức T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- UBND xã T, h. B, tỉnh Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương